

KHU CÔNG NGHIỆP, CHUỖI KHU CÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ VÀ CHUỖI SẢN PHẨM

Trần Kim Chung*

Đinh Trọng Thắng**

Tạ Minh Thảo***

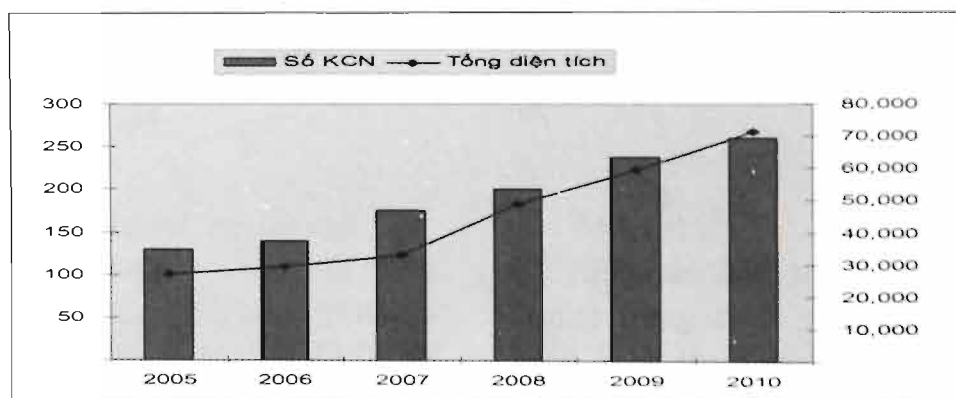
Mở đầu

Tham gia vào chuỗi giá trị, chuỗi sản phẩm toàn cầu, trở thành các doanh nghiệp phụ trợ đã trở thành yêu cầu thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp Việt Nam. Trên con đường hình thành và phát triển các doanh nghiệp trọng tâm trong chuỗi, việc hình thành các địa bàn, các cơ sở để có các nhóm, các

ngành. Nghiên cứu này tham góp một cách tiếp cận đối với chuỗi sản phẩm từ góc nhìn phát triển khu công nghiệp Việt Nam.

Ngoài Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, nghiên cứu này gồm 3 phần. Phần 1 xem xét tóm lược sự hình thành và phát triển các khu công nghiệp Việt Nam. Phần 2 mô tả một cách tiếp cận sự hình thành chuỗi sản

Đồ thị 1: Tình hình phát triển khu công nghiệp giai đoạn 2000 - 2009



Nguồn: Vụ Quản lý Khu Kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

cụm doanh nghiệp là rất cần thiết. Một trong những địa bàn quan trọng để tạo ra các hạt nhân, nòng cốt và các doanh nghiệp cơ bản của chuỗi sản phẩm chính là các khu công

phẩm, công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam từ khía cạnh khu công nghiệp. Phần 3 mô tả một ví dụ về sự hình thành chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam.

1. Sự hình thành và phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam

1.1. Tổng quan về tình hình phát triển khu công nghiệp tại Việt Nam

Tính từ năm 1991 đến 2010, trải qua 19 năm phát triển, cả nước đã có 260 khu công nghiệp (KCN) được thành lập với tổng diện

* Trần Kim Chung, Tiến sĩ Kinh tế, Trưởng Ban Chính sách Đầu tư, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.

** Đinh Trọng Thắng, Thạc sĩ Kinh tế, Phó trưởng ban Chính sách Đầu tư, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

*** Tạ Minh Thảo, Thạc sĩ kinh tế Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.

tích là 71.394 ha. Diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê đạt trên 45.854 ha, chiếm khoảng 65% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó, 173 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng diện tích đất tự nhiên 43.718 ha và 88 khu công nghiệp đang trong giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ bản với tổng diện tích đất tự nhiên 27.405 ha.

Bên cạnh 260 KCN đã được thành lập, tính đến tháng 6/2011 còn 239 KCN đã được Thủ tướng chấp thuận quy hoạch nhưng chưa được thành lập hoặc mới chỉ thành lập một phần, với tổng diện tích đất quy hoạch cho số KCN này là 65.882 ha.

Các khu công nghiệp được phân bố trên 57 tỉnh, thành phố trên cả nước, tập trung chủ yếu ở 3 vùng kinh tế trọng điểm: trong đó, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tập trung nhiều khu công nghiệp nhất với 124 khu công nghiệp, chiếm gần 48% tổng số khu công nghiệp trên cả nước; vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có 52 khu công nghiệp, chiếm 20% tổng số khu công nghiệp trên cả nước; và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có 23 khu công nghiệp, chiếm xấp xỉ 10% tổng số khu công nghiệp trên cả nước.

Trong năm 2010, có 27 dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp được

cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thành lập mới 23 khu công nghiệp với tổng diện tích đất tự nhiên là 5.410,5 ha và mở rộng 4 khu công nghiệp với tổng diện tích đất tự nhiên là 429 ha. Tổng diện tích đất tự nhiên khu công nghiệp tăng thêm trong năm 2010 là 5.839,5 ha. Tổng vốn đầu tư đăng ký của 27 dự án phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp đạt gần 8.000 tỷ đồng.

1.2. Tình hình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

Đến cuối năm 2010, trong số 260 dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trên cả nước, có 23 dự án có vốn đầu tư nước ngoài và 150 dự án đầu tư trong nước đã hoàn thành xây dựng cơ bản và đi vào hoạt động; các dự án còn lại đang trong giai đoạn triển khai đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ bản. Tổng vốn thực hiện của các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp lũy kế đến cuối năm 2010 đạt 2,8 tỷ USD và hơn 111.000 tỷ đồng; trong đó, vốn thực hiện của các dự án đã vận hành đạt hơn 1 tỷ USD và 49.170 tỷ đồng. Các khu công nghiệp đang trong quá trình xây dựng cơ bản chủ yếu là các khu công nghiệp được thành lập trong các năm 2009, 2010.

Bảng 1: Tình hình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp

(Đến 12/2010)

STT		Triệu USD	Tỷ đồng	Triệu USD	Tỷ đồng
	KCN đã thành lập	2894	111198	1025	49170
	KCN đang hoạt động	2031	55742	925	40170
	KCN đang xây dựng cơ bản	858	55184	101	8647
I	Trung du miền núi phía Bắc	108	4263	12	1806

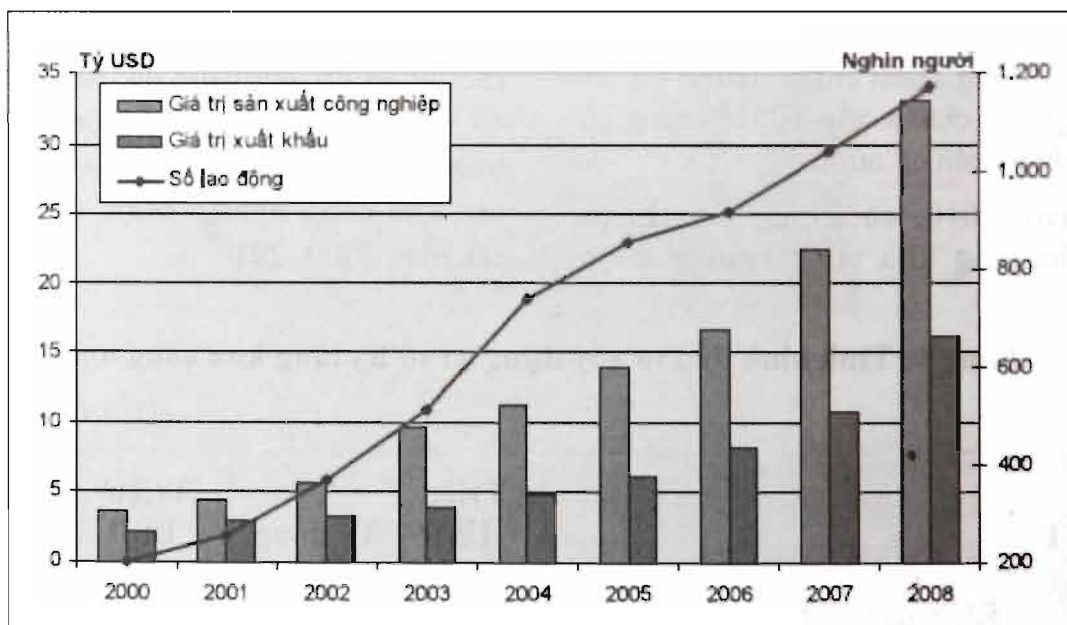
STT		Triệu USD	Tỷ đồng	Triệu USD	Tỷ đồng
II	Đồng bằng sông Hồng	1271	24863	484	11503
III	Miền Trung	224	14869	79	2885
IV	Tây Nguyên	0	1413	0	538
V	Đông Nam Bộ	1016	46499	386	24632
VI	Đồng bằng sông Cửu Long	275	19292	65	7806

Nguồn: Vụ Quản lý Khu Kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Kể từ khi triển khai cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương năm 2004 đến kế hoạch năm 2011, đã có 33 khu công nghiệp đã được hỗ trợ đủ mức tối đa, trung bình mỗi năm có từ 3-5 khu công nghiệp được bố trí đủ mức vốn tối đa. Trong Kế hoạch 2010, tổng vốn hỗ trợ ngân sách trung ương là 613 tỷ đồng, được bố

trí cho 38 khu công nghiệp, trong đó, có 21 khu công nghiệp thứ hai được hỗ trợ với tổng vốn hỗ trợ 326 tỷ đồng. Trong Kế hoạch 2011, tổng vốn hỗ trợ ngân sách trung ương là 495 tỷ đồng được bố trí cho 41 khu công nghiệp, trong đó có 24 khu công nghiệp thứ hai được hỗ trợ với tổng vốn hỗ trợ 295 tỷ đồng.

Đồ thị 2: Tăng trưởng sản xuất công nghiệp, xuất khẩu và lao động trong khu công nghiệp



Nguồn: Vụ Quản lý Khu Kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

1.3. Tình hình thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp

Lũy kế đến cuối tháng 12/2010, các khu công nghiệp trong cả nước đã thu hút được

3962 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký 53.588 triệu USD, tổng vốn đầu tư đã thực hiện đạt 17.055 triệu USD, bằng 32 % tổng vốn đầu tư đăng ký. Hiện nay, đã có 3053 dự án đang sản xuất

kinh doanh và 274 dự án đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản.

Trong năm 2010, các khu công nghiệp của cả nước đã thu hút được 230 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 3.591,6 triệu USD và điều chỉnh tăng vốn cho 212 lượt dự án với tổng vốn đầu tư tăng thêm là hơn 1.714 triệu USD. Tính chung, tổng số vốn đầu tư nước ngoài tăng thêm trong năm 2010 đạt 5.276,86 triệu USD. Đông Nam Bộ là khu vực dẫn đầu về thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào khu công nghiệp với tổng số vốn đầu tư là 2.896,3 triệu USD, chiếm 55% tổng vốn đầu tư nước ngoài vào khu công nghiệp cả nước trong năm 2010. Tỷ suất đầu tư vốn đầu tư các dự án FDI/ha đất công nghiệp đã cho thuê đạt 2,55 triệu USD (tương đương 50 tỷ đồng). Vùng Đồng bằng Sông Hồng và Đông Nam Bộ có tỷ suất đầu tư trung bình của các dự án FDI/ha đất công nghiệp đã cho thuê cao hơn mức trung bình của cả nước lần lượt là 3,29 và 3,22 triệu USD. Đây cũng là 2 vùng có tỷ lệ tạo công ăn việc làm/1 ha đất công nghiệp đã cho thuê cũng cao hơn các địa phương khác, lần lượt là 83 lao động và 87 lao động.

Về tình hình thu hút đầu tư trong nước, trong 12 tháng đầu năm, các khu công nghiệp đã thu hút được 357 dự án với tổng vốn đăng ký 50.013,43 tỷ đồng và điều chỉnh tăng vốn cho 95 dự án với tổng vốn tăng thêm 7.665,55 tỷ đồng. Như vậy, trong gần 12 tháng đầu năm tổng vốn đầu tư trong nước thu hút được đạt hơn 55.175,1 tỷ đồng. Tính lũy kế đến hết tháng 12/2010, các khu công nghiệp cả nước đã thu hút được 4.377 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký gần 336.078 tỷ đồng, tổng vốn đầu tư thực hiện đạt 135.950 tỷ đồng, bằng 40,5% vốn đăng ký. Tỷ suất đầu tư các dự án FDI/1 ha đất công nghiệp đã cho thuê đạt gần 16 tỷ đồng.

Tính đến hết năm 2010, các khu công nghiệp trên cả nước đã cho thuê được hơn

21.000 ha đất công nghiệp, tỷ lệ lấp đầy diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê đạt 46%. Riêng các khu công nghiệp đã đi vào hoạt động đạt tỷ lệ lấp đầy diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê gần 65%. Mặc dù vẫn còn chịu ảnh hưởng tiêu cực của suy thoái kinh tế thế giới, tình hình thu hút đầu tư đặc biệt là đầu tư nước ngoài vào khu công nghiệp, khu kinh tế (KKT) đã đạt được những kết quả khả quan, dần phục hồi tốc độ tăng trưởng so với giai đoạn trước khủng hoảng. Các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của các khu công nghiệp, khu kinh tế cả nước trong năm 2010 đã đạt mức tăng trưởng khá. Các doanh nghiệp khu công nghiệp đã đạt tổng doanh thu trên 30,5 tỷ USD và 57.251 tỷ đồng. Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của các doanh nghiệp đạt xấp xỉ 19 tỷ USD và 18,5 tỷ USD. Các doanh nghiệp cũng đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước với 19.165 tỷ đồng và 344.37 triệu USD.

2. Chuỗi sản phẩm, công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam

Về phạm trù chuỗi sản phẩm và công nghiệp hỗ trợ có thể tiếp cận theo hai khía cạnh. *Thứ nhất*, chuỗi sản phẩm theo các giai đoạn, các công đoạn, các sản phẩm để tạo ra một sản phẩm hoàn chỉnh. Trong chuỗi sản phẩm này, có một doanh nghiệp sản xuất một sản phẩm chính và các doanh nghiệp khác sản xuất các sản phẩm hỗ trợ để góp vào hình thành một sản phẩm hoàn thiện. *Thứ hai*, chuỗi sản phẩm theo địa lý kinh tế. Với một khoảng cách nhất định, sản phẩm muốn toàn cầu hóa phải có một trung tâm cung cấp sản phẩm. Việc tối ưu hóa địa kinh tế đóng vai trò chủ đạo. Bên cạnh đó, các điều kiện về giao thông, về nguồn nguyên liệu, các sản phẩm phụ trợ, các điều kiện cung cấp thay thế sản phẩm ra thị trường được xem xét một cách tổng thể để sản phẩm luôn luôn sẵn sàng cho thị trường.

Các doanh nghiệp Việt Nam hiện đang tham gia vào chuỗi sản phẩm từ cả hai khía cạnh. Tuy nhiên, việc nhìn nhận quá trình hình thành và phát triển của việc tham gia vào chuỗi sản phẩm là hoàn toàn khác nhau.

Đối với chuỗi sản phẩm theo khía cạnh công nghiệp hỗ trợ, tham gia cung cấp một số sản phẩm trong chuỗi sản phẩm trên cơ sở lợi thế cạnh tranh đã được một số nghiên cứu đề cập. Ví dụ Trần Văn Thọ (2010) đã nghiên cứu về năng lực cạnh tranh của công nghiệp Việt Nam về một số ngành: Đóng tàu, thép, phụ tùng điện tử, phụ tùng ô tô, chế biến thực phẩm, công nghệ thông tin phần mềm. Kết luận dường như là còn rất nhiều vấn đề trong quá trình phát triển để Việt Nam có thể tham gia được vào chuỗi sản phẩm. Trần Thanh Bình và các cộng sự (2010) cũng tiếp cận theo hướng này và tính toán khả năng cạnh tranh để xem xét sự gia nhập vào chuỗi giá trị của hai mặt hàng: dệt may và cà phê của Việt Nam. Kết luận cũng cho thấy từ khả năng cạnh tranh đến tham gia được vào chuỗi giá trị còn rất nhiều việc phải làm. Hơn nữa, để tham gia được vào chuỗi sản phẩm phải có một cánh cửa để tham gia vào được. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng ở các mặt hàng có tính cạnh tranh tự nhiên thì việc tham gia vào chuỗi sản phẩm sẽ không thể duy trì được tính cạnh tranh lâu dài.

Về khía cạnh tham gia chuỗi sản phẩm theo khía cạnh tiếp cận chuỗi toàn cầu thì Việt Nam đã có những nét bắt đầu khá rõ. Kênh tham gia này bắt đầu từ các khu công nghiệp. Các khu công nghiệp Việt Nam đến nay đã có một bước phát triển lớn. Nếu như trước năm 2000, các khu công nghiệp chỉ tập trung ở các tỉnh phía nam mà cụ thể là các tỉnh Đông nam bộ: Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh. Những năm này, các sản phẩm tại các khu công nghiệp rất đa dạng. Có thể nói, mỗi khu công nghiệp có tất cả các ngành nghề khác nhau và bố trí tốt nhất là theo các phân khu,

có thể là thức ăn chăn nuôi, may mặc, dệt giày da, vật liệu xây dựng...

Chủ đầu tư các khu công nghiệp giai đoạn này cũng rất đa dạng. Mỗi tỉnh sẽ được ưu tiên phát triển một khu công nghiệp đầu tiên với nhiều ưu đãi. Từ khu công nghiệp thứ hai trở đi thì hầu hết các chủ đầu tư chịu hết mọi chi phí. Tuy nhiên, giai đoạn này cũng có những khu công nghiệp được xây dựng bài bản, có yếu tố nước ngoài: ví dụ Khu công nghiệp Đài Tư (Hà Nội), Khu công nghiệp Normura (Hải Phòng), Khu công nghiệp Việt - Sing (Bình Dương), Khu chế xuất Tân Thuận... Bên cạnh đó, một số khu công nghiệp hoàn toàn do các chủ đầu tư nội địa đầu tư. Ví dụ Khu công nghiệp Tân Tạo (Thành phố Hồ Chí Minh), Khu công nghiệp Sóng Thần (Bình Dương), Khu công nghiệp Nam Sách (Hải Dương)...

Giai đoạn thứ hai là từ sau 2000 trở lại đây. Các chủ đầu tư các khu công nghiệp đã khá đa dạng, các loại hình doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp đã bắt đầu tập trung hóa. Thậm chí, các chủ đầu tư các khu công nghiệp đã bắt đầu hình thành các chuỗi khu công nghiệp:

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Quang đã và đang phát triển một loạt các khu công nghiệp trên địa bàn các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc: Khu công nghiệp Phúc Điền (Hải Dương), Khu công nghiệp Tân Trường (Hải Dương), Khu công nghiệp Nam Sách (Hải Dương), Khu công nghiệp Quang Minh (Vĩnh Phúc, nay thuộc Hà Nội)..

Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn đã đầu tư và mở rộng chuỗi các khu công nghiệp: Khu công nghiệp Sài Gòn Nhơn Hội (Bình Định), Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng (Đà Nẵng), Khu công nghiệp Quế Võ (Bắc Ninh), Tân Phú Trung, Hưng Phú I...

- Khu công nghiệp Thăng Long: Khu công nghiệp Thăng Long được phát triển bởi

Thăng Long Industrial Park, một công ty liên doanh giữa tập đoàn Sumitomo (Nhật Bản) và Công ty cơ khí Đông Anh (Bộ Xây dựng), được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1845/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 22/2/1997. Ngày 27/4/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản số 676/TTg-KTN đồng ý bổ sung Khu công nghiệp Thăng Long II thuộc địa bàn huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, với diện tích 125,6 ha vào Danh mục các khu công nghiệp dự kiến ưu tiên mở rộng đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020. Khu công nghiệp Thăng Long II thuộc khu công nghiệp Phố Nối B, được thành lập theo quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 17/8/2010 của UBND tỉnh Hưng Yên, với quy mô diện tích: 219,6 ha, nằm trên địa bàn các xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào và Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, do Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II làm chủ đầu tư được xây dựng từ năm 2007.

3. Một cách tiếp cận xem xét sự hình thành chuỗi giá trị, công nghiệp hỗ trợ của các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam

Trên thực tế, có thể thấy việc hình thành chuỗi sản phẩm tại địa bàn Việt Nam được tiếp cận theo cả hai khía cạnh. Tuy nhiên, có thể thấy rõ nhất là việc hình thành chuỗi sản phẩm, công nghiệp hỗ trợ là sự phối hợp cả hai cách tiếp cận. Điều này có thể thấy qua việc hình thành các doanh nghiệp Nhật Bản tại các khu công nghiệp. Việc kết hợp giữa hai chủ thể khu công nghiệp có yếu tố trong nước và ngoài nước tại khu công nghiệp Quế Võ giữa các đối tác Tập đoàn đầu tư Sài Gòn và các nhà đầu tư Nhật Bản có thể là dấu hiệu ban đầu của một mô hình chuỗi sản phẩm.

Dự án Canon tại khu công nghiệp Quế Võ là sự hội tụ một số yếu tố tạo tiền đề cho việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Dự án Canon có diện tích 200.000m². Tổng vốn đầu tư 60 triệu USD; tổng số lao động 6 nghìn

người. Đây là dự án không quá lớn, nhưng là dự án hạt nhân. Các dự án vệ tinh của Canon tại khu công nghiệp Quế Võ là Tenma, Yamato, Sevo... Xa hơn, về phía Nhật Bản là các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Thăng Long, Thăng Long II, Normura. Ngoài ra, hàng loạt doanh nghiệp đã và đang triển khai đầu tư tại các khu công nghiệp trên địa bàn Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Hà Nội.

Về phía Việt Nam, Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn là hạt nhân trong mối liên kết Việt Nam Nhật Bản trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn đã tham gia hình thành Khu công nghiệp hỗ trợ Việt Nam Nhật Bản số 1 tại Khu công nghiệp Quế Võ. Xa hơn, đó là sự kết nối của Tập đoàn đầu tư Sài Gòn với các doanh nghiệp Nhật Bản tại Khu công nghiệp Hòa Khánh, Khu công nghiệp Hoàn Khánh mở rộng, Khu công nghiệp Liên Chiểu, Khu công nghiệp Sài Gòn Nhơn Hội, Khu công nghiệp Tân Tạo...

Có thể thấy, Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn có đầy đủ những yếu tố của một đối tác tiềm năng trong việc triển khai chuỗi toàn cầu của các doanh nghiệp Nhật Bản. Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn có khu công nghiệp Quế Võ nằm tại trung tâm khu vực phía bắc. Từ đây, các doanh nghiệp Nhật Bản sẽ sử dụng được cảng nước sâu Hải Phòng, đường cao tốc Nội Bài Lào Cai và các doanh nghiệp Nhật Bản tập trung khá nhiều ở các tỉnh phía bắc sông Hồng. Thực chất, đây là vùng tạo ra chuỗi giá trị toàn cầu cho vùng phía nam Trung Quốc. Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn cũng có Khu công nghiệp Hòa Khánh, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng, Khu công nghiệp Liên Chiểu trên địa bàn Đà Nẵng. Lưu ý rằng, Đà Nẵng chính là đầu cầu cuối cùng của Hành lang kinh tế Đông Tây (Myanmar Thái Lan - Lào Việt Nam). Hành lang Kinh tế Đông Tây vào Việt Nam qua cửa khẩu Khu Thương mại đặc biệt Lao Bảo và ra đến Đà Nẵng. Trên thực tế, có nhiều doanh nghiệp

Nhật Bản đã đầu tư vào Đà Nẵng. Ví dụ Công ty MaBuchi đã đầu tư khá lớn vào Khu công nghiệp Hòa Khánh và đang đặt thuê đất để xây dựng nhà cho công nhân của công ty. Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn cũng có khu công nghiệp Tân Tạo (giai đoạn I và II) là đầu cầu trên hành lang xuyên Á. Cảng biển của hành lang kinh tế này là cảng Sài Gòn, xa hơn trong những thập niên tới là cảng Cái Giá (Bà Rịa - Vũng Tàu). Các doanh nghiệp Nhật Bản đã có định hướng đầu tư vào Bà Rịa - Vũng Tàu.

Những tiến trình hình thành chuỗi sản phẩm toàn cầu của Nhật Bản còn được nâng tầm trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản. Nhật Bản đã nhấn mạnh trọng tâm mở rộng đầu tư vào địa bàn phía Bắc (thông qua Hải Phòng) và phía nam (thông qua Bà Rịa - Vũng Tàu). Việc triển khai các nghiên cứu cơ hội đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư (PPP) cảng Lạch Huyện (Hải Phòng) và cảng nước sâu Cái Giá (Bà Rịa - Vũng Tàu) là những bước đi quan trọng trong việc mở rộng quy mô và phạm vi chuỗi giá trị toàn cầu.

Về phía Nhật Bản, việc đầu tư vào Việt Nam để tham gia chuỗi toàn cầu của sản phẩm đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ chủ yếu tập trung vào nhóm các doanh nghiệp có vốn đầu tư khoảng 100 nghìn đến 300 triệu USD, số lượng lao động chủ yếu khoảng từ 2-10 nghìn người. Ngành nghề chính là sản xuất linh kiện, bộ phận điện - điện tử, bảng mạch PCB, chi tiết cơ khí gia công chính xác, bộ phận ép dập, khuôn mẫu, dây cáp điện...

Các doanh nghiệp Nhật Bản khi đầu tư vào Việt Nam nhằm tận dụng: nguồn nhân lực chi phí thấp, thị trường tiềm năng với thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng, cơ hội mở rộng ra thị trường khu vực, cơ hội từ các hiệp định tự do thương mại, đồng Yên tăng giá và xu hướng đầu tư nước ngoài tăng sau thảm họa động đất, sóng thần 11/3/2011.

Tuy nhiên, khi đầu tư vào Việt Nam, các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhật Bản gặp những thách thức: vốn đầu tư ban đầu nhỏ, vấn đề tuyển dụng nhân viên nói tiếng Nhật khó khăn, khó tìm các nhà cung ứng đầu vào trong nước phù hợp, có ít thông tin về thị trường Việt Nam và quy mô thị trường Việt Nam. Đặc biệt, cờ hạ tầng và năng lượng (đặc biệt là điện) đang ngày càng trở nên khó khăn. Vì vậy, các doanh nghiệp Nhật Bản rất mong muốn đầu tư vào các khu công nghiệp.

Phòng vấn doanh nghiệp Nhật tại Khu công nghiệp Đại An (Hải Dương) cho thấy, các doanh nghiệp Nhật Bản quan tâm chủ yếu tới tính khả thi ngay đối với việc tiếp cận đất đai. Nghĩa là, các doanh nghiệp Nhật Bản muốn được thuê đất ngay, trả tiền một lần, điều kiện hạ tầng tốt hơn là quan tâm tới các ưu đãi. Dẫu rằng, nếu có các ưu đãi về tiền thuê đất, về thuế... cũng là những điều kiện nhưng thực chất, các doanh nghiệp Nhật Bản muốn được triển khai đầu tư hơn là triển vọng đầu tư. Vì rằng, khi các doanh nghiệp Nhật Bản vào Việt Nam là đã nhắm tới khách hàng của mình cũng như bạn hàng của mình. Vì vậy, doanh nghiệp Nhật Bản muốn đầu tư tại các khu công nghiệp hơn là đi tự tìm kiếm cơ hội tiếp cận đất đai để thực hiện đầu tư.

4. Kết luận

Hình thành chuỗi sản phẩm, tham gia thành các cụm ngành hàng, hình thành ngành công nghiệp hỗ trợ đang là một xu thế không chỉ đối với một quốc gia, đối với một sản phẩm, đối với một thời điểm mà ngày càng mang tính rộng khắp. Chuỗi sản phẩm có thể là để hình thành ra một sản phẩm cuối cùng nhưng cũng có thể để phù trùm khắp mọi thị trường.

Một quốc gia, một doanh nghiệp muốn tham gia vào một chuỗi sản phẩm để trở thành một bộ phận của chuỗi sản phẩm, đương nhiên là phải có một thế mạnh, một khả năng cạnh tranh. Tuy nhiên, còn cần phải

có một môi trường để có thể hiện thực khả năng cạnh tranh đó. Khu công nghiệp hiện bắt đầu chứng tỏ khả năng đáp ứng được yêu cầu đó.

Sau gần 20 năm phát triển khu công nghiệp tại Việt Nam, việc tìm kiếm hướng đi, cơ hội thu hút đầu tư đã dần được sàng lọc. Những chuỗi khu công nghiệp đã được hình thành. Những cơ hội để tìm ra những chuỗi sản phẩm, những chuỗi doanh nghiệp đang ngày một rõ nét. Phải chăng đã đến lúc điều chỉnh lại quy hoạch tổng thể các khu công nghiệp để tạo ra những thế mạnh cạnh tranh trong chuỗi toàn cầu những năm tới đây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Mỹ Ngọc (2011), “Làm thế nào để thu hút các doanh nghiệp vừa và nhỏ Nhật Bản vào các khu công nghiệp để phát triển ngành công nghiệp phụ trợ Việt Nam”, Hội thảo “Thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp phụ trợ tại Việt Nam”, Diễn đàn Phát triển Việt Nam Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thu Huyền và các cộng sự (2010), *Liên kết các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nội địa trong phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam - Một số vấn đề chính sách*. Đề tài cấp bộ, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Hà Nội.
- Ryoichi Nakagawa (2011), “Công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam: Cơ hội và Thách thức cho các nhà đầu tư vừa và nhỏ Nhật Bản”, Hội thảo “Thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp phụ trợ tại Việt Nam”, Diễn đàn Phát triển Việt Nam Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, Hà Nội.
- Trần Thanh Bình và các cộng sự (2010), *Nâng cao năng lực cạnh tranh của một số ngành xuất khẩu chủ lực từ tiếp cận chuỗi giá trị*, Đề tài cấp bộ, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Hà Nội.
- Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế TW (2011), “*Phân cấp quản lý và hiệu quả đầu tư: nghiên cứu trường hợp các khu công nghiệp tại một số tỉnh lựa chọn*”, Chương trình Hợp tác giữa Ngân hàng Thế giới và Viện Nghiên cứu